

Số: /2025/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi
và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách
ở địa phương từ năm 2026**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02
năm 2025;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật
Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử
dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ
quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2014;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ
chi và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa
phương từ năm 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ
chi và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa
phương từ năm 2026.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu,
nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách
ở địa phương từ năm 2026.

Điều 2. Điều khoản thi hành.

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này bãi bỏ các quy định sau:

a) Nội dung quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần
trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách tại Nghị quyết số
736/2025/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh
Hung Yên quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%)
phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách; nguyên tắc, tiêu chí và định mức

phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2025.

b) Nghị quyết số 302/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025.

c) Nghị quyết số 401/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 302/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Điều 2 Nghị quyết số 683/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên bổ sung một số điều của Nghị quyết số 301/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025 và Nghị quyết số 302/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025.

đ) Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025.

e) Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025.

g) Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình sửa đổi bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025 đã được tiếp tục thực hiện tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình.

h) Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân

dân tỉnh Thái Bình đã được tiếp tục thực hiện tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình.

i) Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025.

k) Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình quy định mức thu, đơn vị tính và tỷ lệ điều tiết phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật;

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức, triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa ... kỳ họpthông qua ngày...tháng...năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Kho bạc nhà nước Khu vực IV;
- Thuế tỉnh Hưng Yên;
- Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Báo Hưng Yên; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên;
- Lưu VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương từ năm 2026
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2025/NQ-HĐND)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hưng Yên áp dụng cho từ năm 2026.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi

1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương từ năm 2026 thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản về chế độ tài chính của Nhà nước hiện hành.

2. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách phải phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của các cấp chính quyền địa phương. Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện nhiệm vụ chi đã phân cấp; khuyến khích các cấp tăng quản lý thu, chống thất thu.

3. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách phải tạo sự chủ động trong quản lý, điều hành của các cấp ngân sách địa phương; Trong đó ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo để điều tiết cân đối cho ngân sách các xã, phường trên địa bàn tỉnh đảm bảo sự giám sát của các cấp, các ngành theo quy định.

Điều 3. Mục đích phân cấp

1. Phân cấp ngân sách là cơ sở, căn cứ pháp lý để phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương.

2. Phân cấp ngân sách nhằm khai thác tối đa các khoản thu ngân sách; gắn quyền hạn và trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong công tác quản lý và khai thác các nguồn thu.

3. Nâng cao tính chủ động của từng cấp chính quyền địa phương trong công tác quản lý, điều hành ngân sách, tăng khả năng tự cân đối, phân đầu giảm dần số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; sử dụng ngân sách tiết kiệm, có hiệu quả.

4. Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, ngân sách một cách đồng bộ, toàn diện; góp phần thực hiện công khai, minh bạch trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách ở các cấp, các ngành.

Điều 4. Nguồn thu ngân sách địa phương phân cấp theo quy định tại Nghị quyết này bao gồm:

1. Các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100%.
2. Các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng theo tỷ lệ phần trăm phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và cơ quan có thẩm quyền.
3. Các nguồn thu khác ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU

Điều 5. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh, cấp xã được hưởng 100%

1. Ngân sách cấp tỉnh
 - a) Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt, tiền thuê đất, thuê mặt nước thu từ doanh nghiệp, tổ chức.
 - b) Lệ phí môn bài của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp ngoài quốc doanh
 - c) Tiền đền bù thiệt hại đất do cấp tỉnh quản lý; các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh xử lý;
 - d) Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quản lý;
 - đ) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;
 - e) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách tỉnh đầu tư tại các cơ sở kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;
 - g) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty

trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách cấp tỉnh tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp tỉnh quản lý;

h) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh;

i) Thu thuế tài nguyên do cấp tỉnh quản lý, không kể thuế tài nguyên từ hoạt động thăm, dò, khai thác dầu khí;

k) Các khoản lệ phí do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện thu không kể lệ phí trước bạ;

l) Thu các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu được từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị trực thuộc cấp tỉnh quản lý;

m) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

n) Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

o) Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

p) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;

q) Thu từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh;

r) Các khoản thu khác của ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật;

s) Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương;

t) Thu chuyển nguồn ngân sách của ngân sách cấp tỉnh năm trước sang ngân sách cấp tỉnh năm sau.

2. Ngân sách xã, phường

a) Thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt, tiền thuê đất, thuê mặt nước thu từ cá nhân, hộ kinh doanh

b) Lệ phí môn bài của các hộ kinh doanh cá thể;

c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

d) Tiền đền bù thiệt hại đất do cấp xã quản lý, các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc xã xử lý;

đ) Tiền từ bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp xã quản lý;

e) Thu thuế tài nguyên do cấp xã quản lý, không kể thuế tài nguyên từ hoạt động thăm, dò, khai thác dầu khí;

g) Các khoản lệ phí do cơ quan, đơn vị cấp xã thực hiện thu theo quy định không kể lệ phí trước bạ;

h) Thu các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu được từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị trực thuộc cấp xã quản lý;

i) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý;

k) Các khoản huy động đóng góp của tổ chức, cá nhân trực tiếp cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;

l) Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

m) Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật;

n) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức và cá nhân ở ngoài nước trực tiếp cho ngân sách xã theo chế độ quy định;

o) Thu kết dư ngân sách xã năm trước;

p) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

q) Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách cấp xã từ năm trước sang ngân sách cấp xã năm sau.

Điều 6. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh, cấp xã

1. Thuế thu nhập cá nhân;
2. Tiền sử dụng đất;
3. Lệ phí trước bạ;

Điều 7. Tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách

1. Tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh, cấp xã

Khoản thu	Tỷ lệ phần trăm phân chia (tính theo tỷ lệ 100% ngân sách địa phương được hưởng)	
	Cấp tỉnh	Cấp xã
1. Thuế thu nhập cá nhân		
1.1. Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công và chuyển nhượng vốn, bản quyền, khác	100%	
1.2. Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản	80%	20%
1.3. Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cá nhân		100%

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp		
2.1. Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100%	
2.2. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	100%	
3. Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất kinh doanh trong nước		
3.1. Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100%	
3.2. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	100%	
3.3. Hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, tổ hợp tác		100%
4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100%
5. Thu tiền sử dụng đất		
5.1. Tiền sử dụng đất các khu đất, khu đô thị, khu dân cư, và đất cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp do tỉnh quản lý		
- Dự án thuộc Khu Đại học Phố Hiến	100%	
- Tiền sử dụng đất các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp do tỉnh quản lý (bao gồm cả tiền sử dụng đất khu dân cư tập trung và các dự án khu đô thị trên quỹ đất của các cơ quan này)	100%	
- Tiền sử dụng đất khu dân cư tập trung, dự án khu đô thị trên quỹ đất theo Thông báo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh để tạo nguồn đầu tư dự án trọng điểm của tỉnh; tiền sử dụng đất khu đất phát triển nhà ở thương mại do tỉnh quản lý (Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan cấp tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án)	80%	20%
5.2. Tiền sử dụng đất các cơ quan, đơn vị, khu đất, khu dân cư tập trung do xã, phường quản lý	20%	80%
- Dự án thuộc cấp nào quản lý thì cấp đó bố trí kinh phí giải phóng mặt bằng và kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng.		
- Đối với dự án, khu đất thực hiện trên địa bàn nhiều xã, phường thì nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường được hưởng căn cứ vào tỷ lệ diện tích của xã, phường tham gia vào dự án (bao gồm cả diện tích đất ở và công trình công cộng,...)		
6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		100%
7. Thuế tài nguyên		
7.1. Thu từ doanh nghiệp, tổ chức	100%	
7.2. Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		100%
8. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100%	

9. Thuế tiêu thụ đặc biệt		
9.1. Thu từ doanh nghiệp, tổ chức	100%	
9.2. Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		100%
10. Lệ phí môn bài		
10.1. Thu từ doanh nghiệp, tổ chức	100%	
10.2. Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		100%
11. Thuế bảo vệ môi trường	100%	
12. Lệ phí trước bạ		
12.1. Lệ phí trước bạ nhà đất	50%	50%
12.2. Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy	100%	
12.3. Lệ phí trước bạ tài sản khác	100%	
13. Phí và lệ phí (không kể mục 12)		
13.1. Do cấp tỉnh quản lý (Trong đó có phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản)	100%	
13.2. Do cấp xã quản lý		100%
14. Thu tiền bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất của các tổ chức do nhà nước làm chủ sở hữu trước khi cổ phần hóa, sắp xếp lại		
14.1. Do cấp tỉnh quản lý	100%	
14.3. Do cấp xã quản lý		100%
15. Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		
15.1 Thu tiền của doanh nghiệp, tổ chức	100%	
15.2 Thu tiền của cá nhân, hộ kinh doanh		100%
16. Thu hồi vốn của nhà nước đầu tư; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu.	100%	
17. Thu tiền sử dụng khu vực biển	100%	
18. Thu hoa lợi công sản		100%
19. Thu đền bù thiệt hại đất		
19.1. Do cấp tỉnh quản lý	100%	
19.2. Do cấp xã quản lý		100%
20. Thu tiền phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác		
20.1. Do cấp tỉnh quản lý	100%	

20.2. Do cấp xã quản lý		100%
21. Các khoản huy động không hoàn trả và đóng góp của các tổ chức, cá nhân		
21.1. Thuộc ngân sách cấp tỉnh	100%	
21.2. Thuộc ngân sách cấp xã		100%
22. Thu chuyển nguồn ngân sách		
22.1. Thuộc ngân sách cấp tỉnh	100%	
22.2. Thuộc ngân sách cấp xã		100%
23. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		
23.1. Thuộc ngân sách cấp tỉnh	100%	
23.2. Thuộc ngân sách cấp xã		100%
24. Thu bổ sung từ quỹ dự trữ tài chính	100%	
25. Thu từ kết dư ngân sách năm trước		
25.1. Thuộc ngân sách cấp tỉnh	100%	
25.2. Thuộc ngân sách cấp xã		100%
26. Các khoản thu khác (không bao gồm khoản thu quy định tại mục 29)		
26.1. Thuộc ngân sách cấp tỉnh (Bao gồm Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa)	100%	
26.2. Thuộc ngân sách cấp xã		100%
27. Thu viện trợ không hoàn lại		
27.1. Thuộc ngân sách cấp tỉnh	100%	
27.2. Thuộc ngân sách cấp xã		100%
28. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	100%	
29. Tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng Tiền chậm nộp từ các khoản thuế, phí, tiền sử dụng đất và các khoản thu khác có tỷ lệ phần trăm phân chia từ khoản thu cho ngân sách cấp xã hưởng 100% thì điều tiết cho ngân sách cấp xã hưởng 100%; Các khoản chậm nộp còn lại điều tiết ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.		

Chương III PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

Điều 8. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản: đầu tư cho các dự án, xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp tỉnh quản lý.

b) Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài

chính theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia do cấp tỉnh quản lý.

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

a) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

- Giáo dục phổ thông trung học;

- Các hoạt động giáo dục khác do tỉnh quản lý, các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục - đào tạo và dạy nghề khác khỏi tỉnh;

- Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác.

b) Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do tỉnh quản lý.

c) Chi các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo thực hiện theo quy định.

d) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: chi hoạt động phòng bệnh, chữa bệnh, hoạt động y tế khác, chi dân số và kế hoạch hóa gia đình do cấp tỉnh quản lý.

đ) Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật, quản lý các cơ sở văn hóa, thông tin và các hoạt động văn hóa thông tin khác.

e) Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình và các hoạt động thông tin khác.

g) Chi sự nghiệp thể dục, thể thao: bồi dưỡng, huấn luyện, huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác.

h) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường tỉnh quản lý.

i) Chi hoạt động kinh tế do cấp tỉnh quản lý.

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác, lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông do cấp tỉnh quản lý;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp: duy tu bảo dưỡng các tuyến đê, bồi, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, ngư nghiệp, công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư, chi khoanh nuôi bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

- Sự nghiệp tài nguyên: điều tra cơ bản, đo đạc địa giới hành chính, đo vẽ bản đồ, đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ lưu trữ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác;

- Sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, công viên và sự nghiệp thị chính khác do cấp tỉnh quản lý;

- Sự nghiệp kinh tế khác.

k) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật.

l) Chi hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở tỉnh theo quy định của pháp luật.

m) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: các trại xã hội, trường phục hồi chức năng, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội, thực hiện các chính sách xã hội do cấp tỉnh quản lý và hoạt động xã hội khác.

n) Chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia do tỉnh quản lý.

o) Các khoản chi khác, chi thường xuyên khác do ngân sách cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản do cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính tỉnh.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường

1. Chi đầu tư phát triển: đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp xã quản lý; chi các hoạt động đầu tư phát triển khác của cấp xã theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

a) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, bồi dưỡng lý luận chính trị, Trung tâm Giáo dục cộng đồng; khuyến học và các hoạt động giáo dục, đào tạo khác do cơ quan cấp xã quản lý.

b) Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do cấp xã quản lý.

c) Chi các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do ngân sách cấp xã đảm bảo thực hiện theo quy định.

d) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: chi hoạt động phòng bệnh, chữa bệnh, hoạt động y tế khác, chi dân số và kế hoạch hóa gia đình do cấp xã quản lý theo phân cấp của tỉnh.

đ) Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh, truyền hình do cấp xã quản lý.

e) Chi sự nghiệp thể dục, thể thao cấp xã quản lý.

g) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường tỉnh quản lý.

h) Chi hoạt động kinh tế do cấp xã quản lý: sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi công cộng, các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý; riêng đối với xã trung tâm, phường còn có nhiệm vụ chi sửa chữa cải tạo vỉa hè, đường phố nội thị, đèn chiếu sáng, công viên, cây xanh, chi khác,.... Chi hỗ trợ khuyến khích phát triển các sự nghiệp kinh tế như: khuyến nông, khuyến ngư theo chế độ quy định, và các sự nghiệp kinh tế khác do cấp xã quản lý.

k) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật.

l) Chi hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật.

m) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội cấp xã quản lý theo quy định hoặc theo phân cấp của tỉnh.

n) Các khoản chi khác, chi thường xuyên khác do ngân sách cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.